TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 08-4-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm

Bà Lê Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thủy A, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T, xã TB, huyện T, tỉnh Tây Ninh - Có mặt

Bị đơn: Anh Mạc Thanh B, sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT: Khu vực H, phường BT, Thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Tạm trú: Ấp S, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thủy A trình bày:

Chị và anh B cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện T, tỉnh Tây Ninh năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

cùng cha mẹ chồng tại ấp BC, xã AT, huyện TB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B bỏ bê gia đình, ham chơi bời gây nợ nần, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi nên chị bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng, đến tháng 12-2018 chị về nhà mẹ ruột ở ấp T, xã TB, huyện T, tỉnh Tây Ninh sống đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống được nữa nên chị làm đơn ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mạc Thanh C, sinh ngày 10-5-2017, hiện nay cháu C đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mạc Thanh B trình bày: Thừa nhận lời trình bày của chị A về ngày tháng kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chỉ lo chơi không chăm lo gia đình nên vợ chồng cải vã nhau, chị A bỏ về T sống từ 12-2018 đến nay. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh có gọi điện nhắn tin kêu vợ về nhưng vợ không đồng ý, cha mẹ anh có hòa giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Tại biên bản hòa giải ngày 18-02-2019 anh đồng ý ly hôn; con chung đồng ý giao cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 22-02-2019 anh làm đơn xin thay đổi ý kiến, xin được đoàn tụ với chị A

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

- Về con chung: Giao con chung cháu Mạc Thanh C, sinh ngày 10-5-2017 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân ấp T, xã TB, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 12-2018 đến nay. Nguyên nhân do anh B ham mê chơi bời, không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị A nộp đơn yêu cầu ly hôn. Ngày 18-02-2019 Tòa án mở phiên hòa giải, tại buổi hòa giải anh B đồng ý ly hôn; con chung đồng ý giao cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 22-02-2019 anh B có đơn xin thay đổi ý kiến, xin được đoàn tụ với chị A. Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị A, anh B sinh sống. Kết quả thể hiện: Vợ chồng chị A, anh B nhiều lần xảy ra mâu thuẫn là có thật, nguyên nhân do anh B ham mê cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo cho vợ con như lời anh B thừa nhận. Hơn nữa, từ khi vợ chồng chị A, anh B sống ly thân đến nay vợ chồng không có khả năng đoàn tụ lần nào. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Hôn nhân của chị A và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị A được ly hôn anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Mạc Thanh C, sinh ngày 10-5-2017, hiện nay cháu C đang sống chung với chị A, khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi cháu C và hiện cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử giao cháu C cho chị A được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Thủy A đối với anh Mạc Thanh B. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thủy A và anh Mạc Thanh B.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Mạc Thanh C, sinh ngày 10-5-2017 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu.

- Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Thủy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016813 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị A biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Tân Bình, huyện Tân Biên;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Như Thủy